

BẢNG 6
BẢNG LƯƠNG CÔNG NHÂN QUỐC PHÒNG

Đơn vị tính: Đồng

Loại	Nhóm	Bậc 1	Bậc 2	Bậc 3	Bậc 4	Bậc 5	Bậc 6	Bậc 7	Bậc 8	Bậc 9	Bậc 10
LOẠI A	<i>Nhóm 1</i>										
	Hệ số	3,50	3,85	4,20	4,55	4,90	5,25	5,60	5,95	6,30	6,65
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2026	8.855.000	9.740.500	10.626.000	11.511.500	12.397.000	13.282.500	14.168.000	15.053.500	15.939.000	16.824.500
	<i>Nhóm 2</i>										
	Hệ số	3,20	3,55	3,90	4,25	4,60	4,95	5,30	5,65	6,00	6,35
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2026	8.096.000	8.981.500	9.867.000	10.752.500	11.638.000	12.523.500	13.409.000	14.294.500	15.180.000	16.065.500
LOẠI B	Hệ số	2,90	3,20	3,50	3,80	4,10	4,40	4,70	5,00	5,30	5,60
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2026	7.337.000	8.096.000	8.855.000	9.614.000	10.373.000	11.132.000	11.891.000	12.650.000	13.409.000	14.168.000
LOẠI C	Hệ số	2,70	2,95	3,20	3,45	3,70	3,95	4,20	4,45	4,70	4,95
	- Mức lương thực hiện từ 01/7/2026	6.831.000	7.463.500	8.096.000	8.728.500	9.361.000	9.993.500	10.626.000	11.258.500	11.891.000	12.523.500